

Bản án số: 268/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/6/2023

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh*
- *Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Gia Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Thủy*
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụ - Thẩm tra viên*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Minh Ngọc*

Trong ngày 28/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2023, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐTS-HNGĐ ngày 09/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1977 - Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 - Có mặt

Đăng ký HKTT và cư trú: Số nhà 14TT11, khu đô thị sinh thái Xuân Phương, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Chị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 21/3/2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội (nay là UBND phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và căng thẳng cuộc sống kéo dài dẫn đến chị bị trầm cảm và phải điều trị dài ngày tại bệnh viện từ năm 2007 đến 2011. Sau đó, chị có nghiêm túc nói chuyện với anh T về cuộc sống và đề nghị cùng nhau thay đổi. Bởi lẽ, chị là phụ nữ nên cần có sự chia sẻ yêu thương từ chồng. Vợ chồng có vấn đề gì phải có ý kiến, đóng góp cho nhau, cùng nhau sửa đổi để hòa hợp và hoàn thiện trong nhau, thậm chí hy sinh mọi thứ để làm lại từ đầu. Bản thân chị thấy cuộc sống vô cùng ngột ngạt, áp lực quá mức chịu đựng, một mình chỉ phải nuôi dạy 03 con, lo toan mọi thứ trong gia đình, trong khi anh T vẫn vô tâm, những đề nghị của chị dường như anh không quan tâm và còn nói không có vấn đề gì. Cuộc sống cứ như vậy kéo dài, chị vẫn tiếp tục chịu đựng vì các con chị còn quá nhỏ, lại đang sinh sống trên đất của nhà chồng, nếu ly hôn các con nương tựa vào đâu, những áp lực như vậy cứ đè nặng lên suy nghĩ của

chị mỗi ngày. Cuộc sống chung vợ chồng như địa ngục, các con cũng bị ảnh hưởng rất nhiều, con gái lớn có dấu hiệu trầm cảm, con gái thứ hai bị bố dùng bạo lực đánh, hất tung thùng gạo vào người nhưng các con không dám nói mà cam chịu chịu đựng. Những hành động đó làm chị và các con rất ám ảnh, có lần chị nói “Chị rất sợ anh nhưng anh nói lại: mặt cô mà sợ tôi” thật sự không thể có tiếng nói chung. Các con cũng nói với bố “Con sợ bố, không phải sợ bố đánh con mà con sợ cảm giác bố giết con bất kể lúc nào”, chị thật sự đau lòng. Ngoài các việc đó, anh T hay ghen tuông vô cớ, luôn kiểm tra điện thoại, đặt máy ghi âm trong phòng ngủ, trên ô tô làm cho chị càng bất an hơn, có lúc nửa đêm anh ngồi lù lù trên giường trừng trừng nhìn tôi khi tôi đi ngủ. Tôi thật sự sợ hãi, tôi cảm giác anh có thể giết chết tôi bất cứ lúc nào, cuộc sống cứ tiếp diễn như vậy tôi sẽ bị thần kinh mà chết.

Chị cam chịu quá lâu nên đã gửi đơn xin ly hôn nên chị trình bày tất cả mâu thuẫn để Tòa xem xét, cụ thể cuộc sống chung của vợ chồng chị gần như không gần gũi, khi hai con còn nhỏ chị ngủ với hai con. Chị cố gắng sinh thêm bé thứ 3 xem có sự thay đổi gì không nhưng cuộc sống chung vẫn không thay đổi gì mà ngày thêm trầm trọng. Hiện vợ chồng chị tuy sống chung một nhà nhưng ở riêng phòng từ tháng 11/2022 đến nay, cả hai vợ chồng không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể kéo dài được nữa. Chị đề nghị tòa giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thuỷ Ph, sinh ngày 07/12/2002, cháu Nguyễn Phương Tr, sinh ngày 24/8/2004 đều trên 18 tuổi, để các con tự quyền quyết định, không yêu cầu tòa xem xét. Riêng cháu nhỏ Nguyễn Thảo N, sinh ngày 07/7/2014 (đang học lớp 3) chị mong muốn được trực tiếp nuôi, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/01 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng chị có tài sản chung, công nợ chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị Hường trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống bình thường, theo quan điểm của anh thì mỗi người là một cá thể độc lập, mỗi người mỗi quan điểm. Cuộc sống vợ chồng cũng có một số mâu thuẫn nhưng anh đã bỏ qua, chị H cũng bỏ qua và vợ chồng vẫn chung sống. Đến nay, chị H xin ly hôn anh rất bất ngờ, không hiểu tại sao chị lại suy nghĩ như vậy. Thời gian vừa qua anh đã tìm nhiều cách để chị H tự nhìn nhận lại vấn đề và để vợ chồng có cơ hội tìm lại nhau. Anh biết hiện nay chị H đang có người thứ ba, anh có chứng cứ về việc này. Tuy nhiên, anh chưa có sự chuẩn bị nên anh không đồng ý ly hôn. Còn nếu chị Hường vẫn cương quyết xin ly hôn, anh nghĩ cũng không thể kéo dài được nhưng anh sẽ xem xét sau.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung như chị H trình bày là đúng. Hiện hai cháu lớn đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Còn cháu nhỏ Nguyễn Thảo N anh mong muốn được nuôi dưỡng cháu. Lý do, chị H có quan hệ ngoại tình nên không đủ tư cách để nuôi dưỡng, giáo dục con. Vấn đề này anh sẽ cung cấp bằng chứng cho Tòa sau. Anh có công việc và thu nhập ổn định mỗi tháng là 35.000.000đ. Về chỗ ăn ở hiện nay vợ chồng đang ở nhà số 14 D11, khu đô thị sinh thái Xuân Phương và sau này trường hợp vợ chồng có ly hôn thì anh và con vẫn sẽ ở tại ngôi nhà này.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng anh có các tài sản chung sau:

+ 01 nhà đất tại TDP số 1 Miêu Nha, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội, diện tích 105m², nguồn gốc là do bố mẹ anh cho hai vợ chồng, đã được cấp GCNQSD đất năm 2010 mang tên Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Minh H. Trên đất có 01 nhà cấp bốn, diện tích khoảng 60m², có công trình phụ khép kín, có khu bếp. Giá trị tài sản khoảng 4 tỷ đồng.

+ 01 thửa đất tại TDP số 3 Miêu Nha, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội, đất trồng, có tường bao. Diện tích 58m². Về nguồn gốc thửa đất: Thửa đất này do Nguyễn Thị Hạ, sinh năm 1953 (mẹ của Nguyễn Thị Minh H) bỏ tiền nhờ hai vợ chồng đứng tên mua hộ. Vợ chồng khẳng định đây là tài sản riêng của bà Hạ, vợ chồng anh chưa sang tên điều chỉnh biến động mang tên bà Hạ. Giá trị tài sản khoảng 2,5 tỷ đồng.

+ 01 nhà, đất tại địa chỉ số 14 D11 khu đô thị Xuân Phương, tổ dân phố số 6, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Tài sản này thuộc đất liền kề diện tích 82m², trên đất có nhà 04 tầng. Nguồn gốc nhà đất do vợ chồng anh bỏ tiền ra mua, sau đó đã cho con là Nguyễn Thị Ph, sinh năm 2002. Khi mua thì cháu Phương trực tiếp ký hợp đồng, vợ chồng anh ký giám hộ. Đến nay đã được cấp sổ đỏ mang tên cá nhân cháu Ph. Vợ chồng không tranh chấp gì với cháu Ph. Giá trị tài sản khoảng 10 tỷ đồng.

+ 01 thửa đất diện tích 120m² tại TDP số 3 Miêu Nha, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm. Hiện là đất trống có tường bao quanh. Đất đã được cấp sổ đỏ mang tên cháu Nguyễn Thị Ph. Nguồn gốc thửa đất do cháu Ph thế chấp vay tiền Ngân hàng đầu tư phát triển để mua. Giá trị tài sản khoảng 6 tỷ đồng.

Anh T cho rằng khi mua anh và chị H cũng như cháu Ph xác định là tài sản riêng của bố, mẹ (T, H).

Chị H xác định là tài sản riêng của cháu Ph.

+ 01 ô tô hiệu Vios BKS 30F-301.78 đời 2018 mang tên Nguyễn Thị Minh H.

Ngoài tài sản trên, vợ chồng không còn tài sản nào khác.

Ý kiến của anh T: Những tài sản nào vợ chồng đã xác định là tài sản chung thì đề nghị phân chia theo pháp luật, những tài sản nào còn chưa thống nhất thì đề nghị các bên chứng minh tiếp.

Sau khi anh T đề nghị Toà án đã giải thích nếu anh đề nghị Toà án phân chia thì phải làm đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và phải nộp các nghĩa vụ như tiền tạm ứng án phí, chi phí thẩm định, định giá và đo đạc tài sản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hôm nay 05/5/2023, nếu anh không làm các thủ tục này thì Toà án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T đã nghe, hiểu rõ và cam kết sẽ thực hiện đúng các nội dung mà Toà giải thích nếu không thực hiện thì tự chịu trách nhiệm.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những nội dung đã trình bày trước đây. Bị đơn anh T xác định đến nay tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh muốn

chị H phải xác định và thừa nhận nguyên nhân nào dẫn đến chị làm đơn xin ly hôn. Khi ly hôn anh xin nuôi con gái nhỏ tên N không yêu cầu chị Hường cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát quận Nam Từ Liêm phát biểu: Thẩm phán đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo quy định của pháp luật trong cả quá trình từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh H. Cho chị Hường được ly hôn anh T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 07/7/2014 cho chị Nguyễn Thị Minh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/01 tháng, kể từ tháng 07/2023 cho đến khi cháu Nguyễn Thảo N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị H do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Minh H khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T. cả hai đương sự đều cư trú sinh sống trên địa bàn quận Nam Từ Liêm nên Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Minh H kết hôn ngày 21/03/2002, có đăng ký kết hôn, tuân thủ đầy đủ các điều kiện về kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét đơn ly hôn của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ, lời khai do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và trình bày thể hiện: Anh T và chị H kết hôn và chung sống cùng nhau từ năm 2002, tuy nhiên vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm, dẫn đến chị H phải điều trị dài ngày tại bệnh viện từ năm 2007 đến năm 2011. Cả quá trình sinh sống vợ chồng hai anh chị gần như không gần gũi. Chị H cho rằng anh T kiểm soát chị quá mức từ việc lắp đặt máy ghi âm, nghe lén chị ở nhà cũng như trên xe ô tô. Về phía anh T, anh cho rằng vợ có quan hệ bất chính với người khác nhưng anh vẫn cố gắng bỏ qua và luôn tìm cách cố gắng hàn gắn tình cảm hai vợ chồng. Hiện tại vợ chồng chị tuy sống chung

trong một nhà nhưng ở riêng phòng từ tháng 11/2022 đến nay và không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống riêng. Như vậy, hôn nhân giữa anh T chị H chỉ tồn tại trên hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T cũng thừa nhận đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Vợ, chồng có 03 con chung là Nguyễn Thủy Ph, sinh ngày 07/12/2002, Nguyễn Phương Tr, sinh ngày 24/8/2004. hai con đã trưởng thành, chị H, anh T không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét. Riêng cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 07/7/2014, cả chị H và anh T đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Xét nguyện vọng này là chính đáng, tuy nhiên cháu N vẫn còn quá nhỏ lại là bé gái nên cần giao cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp và tốt hơn anh T. Cấp dưỡng nuôi con buộc anh T phải cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng cùng chị H để nuôi cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh H. Cho chị Nguyễn Thị Minh H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 07/7/2014 cho chị Nguyễn Thị Minh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/01 tháng, kể từ tháng 07/2023 cho đến khi cháu Nguyễn Thảo N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị H do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Minh H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0035233 ngày 17/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Chị H được khấu trừ vào tiền án phí mà chị phải nộp.

Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

N-à nh-ên:

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Q. Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, VP.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Vinh